TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 537/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Bà Đặng Thụy Thùy Nga

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Mai Văn D,** sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp LTB, xã LH, huyện CT, tỉnh TG.

Bị đơn: **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp ĐH, xã ST, huyện CT, tỉnh TG.

(Anh D có mặt; chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Mai Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện CT, tỉnh TG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì bắt đầu phát

sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vả. Anh D và chị T đã ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay anh D yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[**2]** – **Về nội dung yêu cầu:** Anh Mai Văn D yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Anh D và chị T xác lập hôn nhân vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh D và chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả. Anh D và chị T đã ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa anh D và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh D, đồng thời tại phiên tòa chị T vắng mặt, chứng tỏ chị T không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung anh D không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Mai Văn D.

- Anh Mai Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

2/ Về án phí: Anh Mai Văn D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020255 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã LH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh